

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VỊ THANH
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 130/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25-6-2019

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Hồng Thái.

Ông Nguyễn Thanh Liêm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Sơn Thanh Ph. Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2019. về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2019/QĐXX-ST ngày 24 tháng 5 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị D.

Địa chỉ: khu vực 7, phường IV, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, có mặt.

Bị đơn: Anh Lê Hoàng S.

Địa chỉ: khu vực 4, phường IV, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/12/2018 nguyên đơn chị Phạm Thị D trình bày: Chị và anh Lê Hoàng S chung sống từ năm 2008, đến năm 2010 đăng ký kết hôn tại UBND phường IV, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Đến năm 2011 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh S ăn chơi cờ bạc thiếu nợ bỏ mẹ con chị D đi trốn nợ, tài sản trong gia đình bán hết, nên chị D đưa hai con về nhà cha mẹ ruột sống. Đến năm 2017 chị D và anh S ly thân đến nay; Con chung: Có 02 con chung tên Lê Đình N sinh ngày 06/02/2011 và Lê Đình Ph, sinh ngày 27/6/2015. Hiện nay các con đang sống chung với chị D từ lúc vợ chồng ly thân đến nay; Tài sản chung: Không; Nợ chung: Không.

Nguyên đơn chị Phạm Thị D yêu cầu được ly hôn với anh Lê Hoàng S. Con chung chị D yêu cầu được nuôi dưỡng, chưa yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Tài liệu chứng cứ kèm theo yêu cầu khởi kiện: Giấy chứng minh nhân dân; Sổ hộ khẩu (bản sao); Bản tự khai Phạm Thị D (01 bản chính); Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn (bản chính); Giấy khai sinh tên Lê Đình N, Lê Đình Ph (bản sao).

Quá trình thu thập chứng cứ: Bị đơn anh Lê Hoàng S vắng mặt, nên chưa thể hiện ý kiến. Mặc dù, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh S theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Phạm Thị D trình bày và giữ nguyên yêu cầu như quá trình thu thập chứng cứ. Anh S vắng mặt, chưa thể hiện ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thống nhất quá trình thu thập chứng cứ của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án.

Về nội dung đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của khởi kiện của nguyên đơn. Án phí dân sự sơ thẩm theo Điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí, lệ phí ban hành kèm theo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Tố tụng: Chị Phạm Thị D có gửi đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Hoàng S và yêu cầu được nuôi con chung, nên Tòa xác định quan hệ tranh chấp là Ly hôn, nuôi con. Đây là vụ án về hôn nhân gia đình, căn cứ theo

điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện. Địa chỉ của bị đơn anh Lê Hoàng S tại khu vực 4, phường IV, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh giải quyết là hoàn toàn phù hợp quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Lê Hoàng S dù được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02, nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh S.

[2]. Quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị D và anh Lê Hoàng S chung sống từ năm 2008, đến ngày 10/12/2010 đăng ký kết hôn, nên hôn nhân của chị D, anh S hợp pháp từ ngày 10/12/2010. Ngày 20/12/2019 chị Phạm Thị D có yêu cầu ly hôn, vì cho rằng từ năm 2011 hôn nhân không hạnh phúc, nguyên nhân do anh S ăn chơi cờ bạc thiếu nợ, bỏ mẹ con chị D đi trốn nợ, tài sản trong gia đình bán hết. Từ năm 2017 chị D và anh S ly thân đến nay. Chị D xác định không còn tình cảm với anh S. Anh Lê Hoàng S chưa thể hiện ý kiến. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau.....” nhưng theo thừa nhận của chị Phạm Thị D thì tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc; vợ chồng chị D anh S ly thân từ năm 2017 trong thời gian này anh chị không có sự quan tâm cho nhau. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân của chị D, anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D.

[3]. Con chung: chị Phạm Thị D khai có 02 con chung tên Lê Đình N sinh ngày 06/02/2011 và Lê Đình Ph, sinh ngày 27/6/2015. Chị D cung cấp chứng cứ xác định anh S là cha của cháu tên Lê Đình N sinh ngày 06/02/2011 và Lê Đình Ph, sinh ngày 27/6/2015 là giấy khai sinh của cháu N và Ph. Quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu N và Ph, từ khi thụ lý và giải quyết vụ án đến nay dù Tòa án đã tổng đạt các văn bản cho anh Lê Hoàng S hợp lệ, nhưng anh S vẫn chưa thể hiện ý kiến. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình “Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa

vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; Trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”, cháu Lê Đình N sinh ngày 06/02/2011 tính đến nay đã hơn 08 tuổi cháu cũng thể hiện nguyện vọng sống với mẹ (bút lục 15), cháu Lê Đình Ph, sinh ngày 27/6/2015 đã được 04 tuổi, từ khi chị D và anh S ly thân đến nay cháu Ph sống với chị D. Do vậy, nên giao con chung tên Lê Đình N và Lê Đình Ph cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4]. Cấp dưỡng: chị Phạm Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, nhưng chưa yêu cầu cấp dưỡng anh S cấp dưỡng, nên Tòa chưa xem xét.

[5]. Tài sản chung: Chị Phạm Thị D khai không có, không yêu cầu nên không xem xét.

[6]. Nợ chung: Chị Phạm Thị D khai không có, nên không xem xét.

[7]. Án phí sơ thẩm: Chị Phạm Thị D nộp theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[8]. Về phát biểu đề nghị của kiểm sát viên tại phiên toà. Xét, phát biểu về thủ tục tố tụng và đề nghị về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, Toà chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 177, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: Điều 19, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị D.

1. Quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị D được ly hôn với anh Lê Hoàng S.

2. Con chung: Chị Phạm Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lê Đình N sinh ngày 06/02/2011 và Lê Đình Ph, sinh ngày 27/6/2015. Anh Lê Hoàng S có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn: Chị Phạm Thị D chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Chuyển số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị D đã nộp tạm ứng án phí khởi kiện theo biên lai thu số 0020256 ngày 03/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh thành án phí.

4. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Vị Thanh;
- Chi cục THADS TP Vị Thanh;
- UBND phường IV, TP Vị Thanh, HG;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Tuyết Mai